TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sa Vu Thy; bà Châu Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Ú (Bọng), sinh ngày 03/3/1996 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1961; anh, em ruột có 04 người, bị cáo là người nhỏ nhất; sống chung như vợ chồng với Mai Thị Ngọc T1, sinh năm 1998, có con chung sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T - Trại tạm giam công an tỉnh A, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Thị Sơn T2, sinh ngày 02/10/1994 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trường G, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1970; anh, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T - Trại tạm giam công an tỉnh A, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn P (Óc), sinh ngày 05/9/2003 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật giáo Hoà Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; bị cáo là con duy nhất; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T - Trại tạm giam công an tỉnh A, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Bão T4, sinh ngày 26/4/2001 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5 (đã chết) và bà Hà Thị C, sinh năm 1977; anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 24/6/2022, bị Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2024, chưa được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T - Trại tạm giam công an tỉnh A, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn H, sinh ngày 30/4/2005 tại huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: khóm S, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T6 (chưa rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1979; bị cáo là con duy nhất; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực T - Trại tạm giam công an tỉnh A, có mặt tại phiên tòa.

6. Mai Thị Ngọc T1 (Thu M), sinh ngày 02/9/1998 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1973; anh, chị, em có 04 người, bị cáo là người thứ hai; sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1996; bị cáo có 01 người con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Sơn T2:* Ông Nguyễn Phú H1, sinh năm 1984, Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số C T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cao Văn H2, sinh năm 1980; nơi cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Thạch Ngọc S, sinh năm 1996; nơi cư trú: khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Phạm Thanh T8, sinh năm 1985; nơi cư trú: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

4. Nguyễn Đỗ Hoàng D, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

5. Võ Thiện T9, sinh năm 1988; nơi cư trú: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

6. Bà Lương Thị Ngọc H3, sinh năm 1988; nơi cư trú: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

7. Chau S1, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

8. Lương Trung K, sinh ngày 04/3/2008, nơi cư trú: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* Trần Thị C1, sinh 1981; Trần Văn H4, sinh 1969; Trần Q1, sinh 1994.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, nhận được tin báo của người dân, lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện T phối hợp với công an xã C, huyện T kiểm tra phòng trọ số 23 thuộc nhà trọ "Thanh Thanh" thuộc ấp T, xã C, huyện T, phát hiện bị cáo Vũ Thị Sơn T2 đang ở trên gác, còn Nguyễn Văn Ú từ trong phòng đi ra và tại vị trí dưới nền gạch trong phòng có 01 bọc nilon trong suốt hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghi ma túy) nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Qua khám xét khẩn cấp phòng trọ số 23 do T2 đang ở trọ thu giữ 01 túi vải sọc xanh, trắng được để trên bàn có 01 bọc nilon trong suốt hàn kín có rãnh khoá 01 đầu viền màu đỏ bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghi ma túy), cùng các vật chứng có liên quan. Cùng thời điểm, tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Văn Ú đang chung sống cùng bị cáo Mai Thị Ngọc T1 tại khóm B, thị trấn T, huyện T thu giữ: 01 bọc nilon trong suốt hàn kín bên trong có chứa chất bột màu trắng (nghi ma túy) trong két sắt ở phòng ngủ và 08 bọc nilon trong suốt bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghi ma túy) trên cánh đèn hoa sen trong chuồng gà phía nhà sau và các vật chứng khác liên quan.

Qua điều tra xác định: Các bị cáo Nguyễn Văn Ú (Bọng), Vũ Thị Sơn T2, Mai Thị Ngọc T1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4 và Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Ú (Bọng) khai nhận 02 bọc nilon chứa tinh thể màu trắng bị thu giữ tại phòng trọ của T2 là ma tuý đá, do Ú đưa cho Vũ Thị Sơn T2 cất giấu để dành sử dụng, đối với 08 bọc nilon chứa tinh thể màu trắng bị khám xét thu giữ tại nhà của Ú là ma túy đá, do Ú giao cho Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4 và Nguyễn Văn H cất giấu để bán lại người nghiện thu lợi. Riêng 01 bọc nilon chứa chất bột màu trắng bị thu giữ trong két sắt ở phòng ngủ của Ú là ma tuý (loại Ketamine), do T9 ở thành phố Hồ Chí Minh (chưa rõ họ, địa chỉ cụ thể) cho Ú sử dụng. Út mua bán ma tuý từ tháng 6/2024 cho đến ngày bị bắt, nguồn ma tuý do Ú mua của K1 ở thành phố L (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) tổng cộng 03 lần, mỗi lần 500 số ma tuý với giá 20.000.000 đồng. Ú mua ma túy về phân lẻ ra bán cho H5 (chưa rõ họ, địa chỉ) 50 số với số tiền 3.400.000 đồng vào ngày 23/7/2024; bán cho P2 200 số với số tiền 4.000.000 đồng tại phòng số 7 nhà trọ D, thuộc khóm C, thị trấn T, huyện T vào ngày 24//7/2024; Ú đưa 200 số ma túy cho Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4 và Nguyễn Văn H để bán cho nhiều người nghiện; còn lại 50 số Ú đem lại phòng trọ số 23 đưa cho T2 cất giấu để dành sử dụng. Việc Ú mua bán ma túy thì T1, T2 đều không biết, trong thời gian mua bán ma túy, Ú thu lợi tổng cộng 15.000.000 đồng.

Bị cáo Vũ Thị Sơn T2 khai nhận 01 bọc nilon chứa tinh thể màu trắng (50 số) bị bắt quả tang là ma túy đá, do T2 nhắn tin kêu Ú đem đến phòng trọ để dành sử dụng thì bị bắt quả tang. Riêng 01 bọc nilon chứa tinh thể màu trắng bị khám xét thu giữ trong túi vải trên bàn, cũng do Ú đem lại cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, T2 sử dụng còn dư nên cất giấu để sử dụng.

Bị cáo Mai Thị Ngọc T1 khai số ma túy bị khám xét thu giữ tại nhà của Ú và T1 thì T1 không biết, T1 không biết việc Ú giao ma túy cho P, T4 và H cất giấu phía sau nhà để bán cho người nghiện. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/7/2024, T1 lấy trong bóp tiền của Ú 02 bọc ma túy, đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, T1 bán 02 bọc ma tuý trên cho P với giá 200.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó, P bán ma túy lại cho ai thì T1 không biết.

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4 và Nguyễn Văn H đều khai, quen biết với Ú và được Ú giao chăn nuôi gà, Ú trả tiền thuê và nhận ma túy từ Ú để bán cho các đối tượng nghiện. Sau khi nhận 200 số ma túy do Ú giao, P, T4 và H đem cất giấu trên cánh đèn hoa sen trong chuồng gà tại phía nhà sau của Ú để bán cho các đối tượng nghiện, sau đó đưa tiền cho Ú, không hưởng lợi từ việc bán ma túy. Các bị cáo P, T4 và H chỉ được Ú cho ma tuý sử dụng, không hưởng lợi, cụ thể:

P bán cho Lâm Trung K2 01 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng ngày 18/7/2024; bán cho Võ Thiện T9 01 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng vào ngày 22/7/2024, toàn bộ đưa tiền cho Ú. Ngoài ra, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, P có mua 02 bọc ma tuý của T1 với giá 200.000 đồng, rồi P bán 01

bọc ma túy cho Phan Thái Anh T10 số tiền 250.000 đồng tại nhà Ú, hưởng lợi 50.000 đồng, riêng 01 bọc ma túy còn lại P sử dụng hết.

T4 bán cho Chau S1 01 bọc ma túy với số tiền 200.000 đồng đưa tiền cho Ú ngày 18/7/2024; ngày 18/7/2024 được Ú cho ma túy sử dụng nhưng T4 không sử dụng mà bán cho Lương Thị Ngọc H3 01 bọc ma túy với số tiền 200.000 đồng, hưởng lợi 200.000 đồng.

H bán cho Lâm Trung K2 02 lần, mỗi lần 01 bọc với số tiền 200.000 đồng tại nhà của Ú vào ngày 25/6/2024 và 22/7/2024; bán cho Võ Thiện T9 01 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng tại nhà của Ú vào ngày 17/7/2024; bán cho Cao Văn H2 01 bọc ma túy với số tiền 200.000 đồng tại nhà Ú vào ngày 22/7/2024, toàn bộ đưa tiền cho Ú, H không thu lợi.

Căn cứ Kết luận giám định số 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, của Phòng K3 - Công an tỉnh A, kết luận: Mẫu M_1 gửi đến giám định là ma tuý, loại Methamphetamine, có khối lượng 4,9642 gam. Mẫu M_2 gửi đến giám định là ma tuý, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2706 gam. Mẫu M_3 gửi đến giám định là ma tuý, loại Ketamine, có khối lượng 0,1399 gam. Mẫu M_4 gửi đến giám định là ma tuý, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,2567 gam.

Căn cứ Kết luận giám định số 236/KL-KTHS ngày 17/02/2025, của Phòng K3 - Công an tỉnh A, kết luận: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 02 điện thoại di động (ký hiệu A1, A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T gửi giám định, chi tiết thể hiện trong 01 đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo giao cho Cơ quan điều tra. Kèm theo kết luận giám định: 01 đĩa DVD nhãn hiệu RISHENG, có tổng dung lượng 1.19GB, trên đĩa có ghi "Vụ: 236/KL-KTHS ngày 17 tháng 02 2025" và chữ ký của Giám định viên Giáp Thanh T11.

Ngày 02/8/2024 và 07/02/2025, Ú, T2, P, T4, H bị khởi tố và tạm giam để điều tra. Riêng, T1 bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi).

Quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKSTT ngày 01/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn Ú, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4, Nguyễn Văn H, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Vũ Thị Sơn T2, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Mai Thị Ngọc T1, về tội "Mua bán trái phép chất khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Ú, T2, T1, T4, H, P đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ú khai nhận từ khi mua bán ma túy, Ú thu lợi được 15.000.000

đồng, T1 thu lợi 200.000 đồng, T4 thu lợi 200.000 đồng, P thu lợi bất chính 50.000 đồng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên truy tố các bị cáo như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy, bị cáo Ú đã mang ma tuý đến cho bị cáo T2 cất giấu để sử dụng, thì bị bắt quả tang tàng trữ ma túy tại hai vị trí trong phòng trọ của T2, đáng lẽ hai bị cáo còn phải chịu tình tiết định khung hình phạt "phạm tội 02 lần trở lên" nhưng Viện Kiểm sát đã cân nhắc tính tổng khối lượng ma túy tàng trữ trên 05 gam để làm tình tiết định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS, nên tại phiên tòa hôm nay, Viện Kiểm sát áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo Ú và T2 là rút tình tiết định khung hình phạt "Phạm tội 02 lần trở lên", đề nghị HĐXX xem xét quyết định đối với hai bị cáo, cụ thể:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ú từ 08 năm 06 tháng - 09 năm tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ú từ 05 năm 06 tháng - 06 năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên tổng hợp hình phạt chung hai tội đối với bị cáo Nguyễn Văn Ú từ 14 năm - 15 năm tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Sơn T2 từ 05 năm - 05 năm 06 tháng tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Bão T4 từ 07 năm 06 tháng - 08 năm tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 07 năm - 07 năm 06 tháng tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 năm - 07 năm 06 tháng tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc T1 từ 02 năm 06 tháng - 03 năm tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.0500.000 đồng và các điện thoại di động của các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Ú thu lợi bất chính tổng cộng 15.000.000 đồng, bị cáo T4 thu lợi 200.000 đồng, bị cáo P thu lợi 50.000 đồng nên đề nghị tuyên buộc các bị cáo giao nộp để sung nộp vào ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Sơn T2 trình bày: Thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh, các điểm, khoản và Điều luật áp dụng đối với bị cáo Vũ Thị Sơn T2 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần phạm tội đầu tiên, không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đang là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Vũ Thị Sơn T2, xin cho bị cáo T2 được nhận lại điện thoại di động, do liên quan công việc làm ăn online của bị cáo, không liên quan đến việc mua bán ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do nhưng đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, Kết luận giám định số 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, của Phòng K3, Công an tỉnh A, lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Đối với bị cáo Ú, đã có hành vi mua ma túy từ những người khác *(chưa rõ nhân thân, lai lịch)* số tiền 20.000.000 đồng, đem về chia lẻ, phân từng gói nhỏ để trực tiếp bán ma túy cho nhiều người khác; trực tiếp đưa ma túy cho T4, H, P bán cho nhiều đối tượng nghiện, hưởng lợi bất chính 15.000.000 đồng. Đồng thời, Ú còn cất giấu, tàng trữ ma túy tại phòng trọ của T2 để cho T2 sử dụng, khối lượng qua kết luận giám định là 5,2348 gam Methamphetamine.

Đối với bị cáo T2, bị lực lượng chức năng bắt quả tang ngày 24/7/2024 tại phòng trọ của T2, Ú đang cất giấu khối lượng ma túy 5,2348 gam loại Methamphetamine do Ú đem lại. Giữa T2 và Ú có mối quan hệ tình cảm, T2 nghiện ma túy nên liên lạc gọi điện thoại kêu Ú đem ma túy cho T2 sử dụng. T2 không biết và không tham gia việc Ú mua bán ma túy.

Đối với bị cáo T1, sống chung như vợ chồng với Ú, nghiện ma túy, có hành vi lấy ma túy trong bóp của bị cáo Ú đem bán cho P giá 200.000 đồng, tiêu xài cá nhân.

Đối với các bị cáo T4, H, P đã có hành vi đồng phạm giúp sức trực tiếp, tích cực cho bị cáo Ú thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho nhiều người, nhiều lần trên địa bàn huyện; bị cáo P còn trực tiếp mua ma túy từ bị cáo T1 để bán thu lợi bất chính 50.000 đồng, bị cáo T4 bán cho người khác thu lợi 200.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4, Nguyễn Văn H, đã đủ yếu tố cấu thành về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo T1 theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Ú và bị cáo T2 thỏa mãn yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4, Nguyễn Văn H, Vũ Thị Sơn T2 và Mai Thị Ngọc T1 về các tội danh trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Xét bị cáo Ú, T2 bị cơ quan công an lập biên bản quả tang tàng trữ ma túy và khám xét khẩn cấp chỉ trong ngày 24/7/2024 tại phòng trọ của T2 đang ở, do đó không áp dụng thêm 01 tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; căn cứ khối lượng Methaphetmin bị cáo Ú, T2 tàng trữ qua giám định từ 05 gam đến dưới 10 gam theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự để truy cứu trách nhiệm đối với các bị cáo là phù hợp.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[3.1] Methamphetamine là một trong những chất được xác định là ma túy, chất gây nghiện cực kỳ nguy hiểm bởi nó hủy hoại sức khỏe và trí lực người sử dụng, làm mất khả năng lao động, rối loạn hành vi, ảnh hưởng xấu đến đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, nó còn làm tiêu tán tài sản, gây kiệt quệ nền kinh tế, phá vỡ hạnh phúc gia đình, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn và tội phạm khác, ảnh hưởng xấu đến xã hội. Ma túy thật sự là kẻ thù của nhân loại, là gánh nặng của toàn xã hội. Vì vậy, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy". Bất cứ ai có hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều được xem là hành vi nguy hiểm cho xã hội, sẽ bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.

[3.2] Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, cũng như không có sự phân công vai trò phạm tội của từng bị cáo nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhưng cũng cần phân hóa vai trò để khi lượng hình có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ú, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe và điều kiện làm ăn chân chính. Lẽ ra, bị cáo phải biết chăm chỉ lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình và trở thành công dân tốt cho xã hội. Không làm được điều này, với lối sống thiếu rèn luyện, hám lợi. Bị cáo trực tiếp liên lạc ngoài xã hội mua ma túy về phân lẻ trực tiếp nhiều lần bán cho người khác, đồng thời trực tiếp giao ma tuý cho P, T4 và H để bán lại người nghiện thu lợi. Bị cáo đã mua bán ma tuý từ tháng 6/2024 cho đến ngày bị bắt, tổng cộng 03 lần, mỗi lần 500 số ma tuý với giá 20.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính 15.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo đưa cho T2 cất giấu 02 túi nilong chứa ma tuý để dành sử dụng. Trong vụ án này, bị cáo là người giữ vai trò chính, nguồn ma túy đều do bị cáo Ú cung cấp, lôi kéo các bị cáo khác giúp sức cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng một mức án thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục đối với bị cáo Ú.

Bị cáo Vũ Thị Sơn T2 nhận thức được rõ tác hại của ma túy cũng như biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải biết rèn luyện bản thân, nhưng chỉ vì nghiện ma túy, bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Giữa bị cáo và bị cáo Ú có mối quan hệ tình cảm nam nữ, nên bị cáo đã nhắn tin qua điện thoại gọi Ú đem ma tuý đến phòng trọ để bị cáo sử dụng. Ngày 24/7/2024, bị cáo cùng với Ú bị Công an kiểm tra bắt quả tang tàng trữ tổng cộng khối lượng là 5,2348 gam Methamphetamine. Hành vi của bị cáo T2 là đồng phạm với bị cáo Ú về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", với tình tiết định khung "Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam", theo điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung với bị cáo Ú về tội danh này.

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4, Nguyễn Văn H đều trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Riêng, bị cáo T4 là người có nhân thân xấu, ngày 24/6/2022, bị Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2024, chưa xóa án tích. Các bị cáo nhận biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật, lẽ ra các bị cáo phải chí thú làm ăn, nhưng chỉ vì nghiện ma tuý, các bị cáo đã đồng ý giúp bị cáo Ú bán ma tuý cho nhiều người nghiện để được Ú cho ma tuý sử dụng, nên phải chịu trách nhiệm đồng phạm với bị cáo Ú về tội "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" với tình tiết định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Khi bán ma túy cho Ú, T4 còn bán hưởng lợi riêng 200.000 đồng, P 50.000 đồng, H không hưởng lợi.

Đối với bị cáo Mai Thị Ngọc T1, đang sống chung như vợ chồng với Ú, cả hai cùng nghiện ma túy, biết Ú có ma túy trong bóp, bị cáo T1 đã lấy 02 tép ma túy của bị cáo Ú đem đưa một lần cho P lấy 200.000 đồng tiền tiêu xài cá nhân, nên bị truy cứu về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, không bị áp dụng tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên như các bị cáo Ú, T4, P, H.

[3.3] Viện Kiểm sát rút tình tiết định khung hình phạt "Phạm tội 02 lần trở lên", tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, chỉ truy tố các bị bị cáo Ú, T2 theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ú, P, H, T1, T2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; riêng bị cáo T4 còn 01 tiền án chưa được xóa án tích; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ú, P, H, T1, T2 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T4 bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đều làm thuê, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Ú còn có hành vi cất giấu 0,1399 gam Ketamine, để sử dụng là vi phạm pháp luật, do chưa đủ khối lượng xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra không quy kết hành vi này là có căn cứ.

Các đối tượng Cao Văn H2, Thạch Ngọc S, Phạm Thanh T8, Phan Thái Anh T10, Nguyễn Đỗ Hoàng D, Võ Thiện T9, Lương Thị Ngọc H3, Chau S1, Lâm Trung K2 khai có hành vi nhiều lần mua ma túy của bị cáo Ú, P, T4, H để

sử dụng là vi phạm pháp luật, do không xác định được khối lượng ma túy sử dụng nên Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính là phù hợp.

Đối tượng K1, H5, P2, T9 đều không rõ họ, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng

Đối với các vật chứng là tang vật của việc phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu tiêu hủy gồm có: 01 (một) chai thủy tinh trong suốt, nắp màu trắng có gắn 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 (một) quẹt gas màu xanh, hiệu H-VIET; 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng, 01 đầu hàn kín, 01 đầu cắt nhọn; 01(một) túi vải sọc xanh trắng 02 ngăn có dây kéo, ghi chữ "Sugar Tourism"; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng (loại kéo y tế) trên thân kéo có ghi chữ made in pakistan; 07 (bảy) bọc nilon trong suốt hàn kín 03 đầu, 01 đầu hở (bên trong rỗng); 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng hàn kín 01 đầu, 01 đầu được cải nhọn (bên trong rỗng); 52 (năm mươi hai) bọc nilon trong suốt dài 28cm, hàn kín 2 bên, có 02 đầu hở (bên trong rỗng); 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp màu vàng, trên nắp chai có gắn 01 nỏ thủy tỉnh trong suốt và 01 ống hút nhựa trong suốt; 01 (một) cái bật lửa màu xanh hiệu Viva Giang Đ (đã qua sử dụng).

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, IMEI: 358032602824741, IME2: 35803260282474; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme V50 màu đen, IMEI 1: 867372077909997, IMEI 2: 867372077909997 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note7, màu đen, model: M1901F7G, phiên bản Androi: 10QKQ1.190910.002; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A32, số máy: SM-A325F/DS, IMEI 1: 355870667195165, IMEI 2: 357848357195164, tất cả là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, kí hiệu M1); 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, kí hiệu M2); 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, kí hiệu M3, M4) là các chất ma túy, là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 60B7-146.08, hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, số khung: 5P10CY132788, số máy: 55P1132801 có liên quan đến vụ Trộm cắp tài sản, xảy ra năm 2019 tại khu vực phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra Công an huyện T tiếp tục tạm giữ để bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an quận A, thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Quyền kháng cáo

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ú (Bọng) phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* và *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; bị cáo Nguyễn Văn P (Óc), Nguyễn Bão T4, Nguyễn Văn H và Mai Thị Ngọc T1 phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; bị cáo Vũ Thị Sơn T2 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ú (Bọng) 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn Ú phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn Ú được tính kể từ bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/7/2024.

[2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn P được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/7/2024.

[3] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn H được tính kể từ bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/7/2024.

[4] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bão T4 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Bão T4 được tính kể từ bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/7/2024.

[5] Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Thị S2 T2 05 (năm) năm tù về tội *"Tàng trữ*

trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Vũ Thị Sơn T2 được tính kể từ bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/7/2024.

[6] Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Mai Thị Ngọc T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”.* Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Mai Thị Ngọc T1 được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

[7] Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[7.1] Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn Ú (Bọng) nộp lại 15.000.000 đồng, Mai Thị Ngọc T1 200.000 đồng, Nguyễn Bão T4 200.000 đồng, Nguyễn Văn P 50.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[7.2] Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước đối với vật chứng gồm: Tiền mặt 2.05.0.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, IMEI: 358032602824741, IME2: 35803260282474 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme V50 màu đen, IMEI 1: 867372077909997, IMEI 2: 867372077909997(đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note7, màu đen, model: M1901F7G, phiên bản Androi: 10QKQ1.190910.002; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A32, số máy: SM-A325F/DS, IMEI 1: 355870667195165, IMEI 2: 357848357195164.

[7.3] Tịch thu và tiêu hủy vật chứng gồm: 01 (một) chai thủy tinh trong suốt, nắp màu trắng có gắn 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 (một) quẹt gas màu xanh, hiệu H-VIET; 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng, 01 đầu hàn kín, 01 đầu cắt nhọn; 01(một) túi vải sọc xanh trắng 02 ngăn có dây kéo, ghi chữ "Sugar Tourism"; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng (loại kéo y tế) trên thân kéo có ghi chữ made in pakistan; 07 (bảy) bọc nilon trong suốt hàn kín 03 đầu, 01 đầu hở (bên trong rỗng); 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng hàn kín 01 đầu, 01 đầu được cải nhọn (bên trong rỗng); 52 (năm mươi hai) bọc nilon trong suốt dài 28cm, hàn kín 2 bên, có 02 đầu hở (bên trong rỗng); 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp màu vàng, trên nắp chai có gắn 01 nỏ thủy tỉnh trong suốt và 01 ống hút nhựa trong suốt; 01 (một) cái bật lửa màu xanh hiệu Viva Giang Đ (đã qua sử dụng); 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, kí hiệu M1); 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, kí hiệu M2); 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1053/KL-KTHS ngày 01/8/2024, kí hiệu M3, M4) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H6, Chau R.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn ngày 21/4/2025;

giấy nộp tiền ngày 27/8/2024 do Công an huyện T nộp vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước huyện T).

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn P, Nguyễn Bão T4, Nguyễn Văn H, Vũ Thị Sơn T2 và Mai Thị Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T2 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Tri Tôn;
- Phân trại tạm giam khu vực Tri Tôn,Trại tạm giam – Công an tỉnh An Giang;
- CQTHAHS Công an huyện Tri Tôn;
- CQĐT Công an huyện Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ngọc Hà